

KẾT QUẢ ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM BÀI THI SAU KHI PHÚC KHẢO
KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC NĂM 2016

TT	Số báo danh	Họ Tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Mã số đăng ký dự tuyển	Mã ngành	Kết quả điểm bài thi được điều chỉnh sau khi phúc khảo								Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú		
								Môn thi ngoại ngữ		Môn thi tin học		Môn thi viết nghiệp vụ chuyên ngành		Môn thi trắc nghiệm nghiệp vụ chuyên ngành					Môn thi kiến thức chung	
								Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm thi	Điểm phúc khảo				Điểm thi	Điểm phúc khảo
1	133	Hoàng Việt	Hà	Nam	06/02/1991	8.1	QLTT	59.00		72.00		92.50	Giữ nguyên	84.00	Giữ nguyên	81.00	Giữ nguyên	20.00	370.00	
2	122	Nguyễn Đức	Kỳ	Nam	01/8/1983	9.1	CSLĐ	53.00		64.00		81.25	Giữ nguyên	100.00		69.25			331.75	
3	473	Phan Lê	Thương	Nữ	30/10/1993	3.5	TC-KT	42.00	44.00	60.00		94.60	Giữ nguyên	84.00	Giữ nguyên	84.25	Giữ nguyên		357.45	
4	567	Hà Thanh	Hằng	Nữ	09/01/1992	10.1	KHĐT	66.00		68.00		92.50	Giữ nguyên	96.00	Giữ nguyên	93.00	Giữ nguyên		374.00	
5	603	Nguyễn Thị Hoài Thương		Nữ	07/9/1994	12.1	TrgT	62.00		72.00		54.00	Giữ nguyên	96.00		85.50			289.50	
6	270	Bùi Duy	Đoàn	Nam	29/8/1989	1.5	KL	40.00	Giữ nguyên	52.00		93.50		92.00		80.00		20.00	379.00	
7	242	Trần Đình	Đồng	Nam	13/7/1980	1.3	KL	59.00		68.00		89.50	Giữ nguyên	96.00		72.00	Giữ nguyên	20.00	367.00	
8	241	Lê Ngọc	Cường	Nam	10/11/1992	1.3	KL	71.50		76.00		75.00	Giữ nguyên	96.00	Giữ nguyên	74.00	Giữ nguyên		320.00	
9	661	Phạm Thế	Đồng	Nam	11/10/1993	17.1	QLĐĐ	58.00		96.00		71.00	Giữ nguyên	92.00		85.50			319.50	
10	618	Phạm Thị Thùy Linh		Nữ	12/8/1990	14.1	VTLT	70.00		72.00		52.50		84.00		45.00	Giữ nguyên		234.00	
11	488	Nguyễn Thị	Giang	Nữ	08/6/1992	4.1	TTr	62.00		68.00		84.00		96.00		52.00	Giữ nguyên		305.60	Khiển trách môn kiến thức chung trừ 20% còn 41.60 điểm
12	243	Đinh Tiến	Dũng	Nam	29/11/1990	1.3	KL	45.00	Giữ nguyên	88.00		97.00		96.00		93.00			383.00	
13	302	Nguyễn Đức	Hoàng	Nam	25/01/1994	1.8	KL	72.00		60.00		93.00	Giữ nguyên	96.00		90.50	Giữ nguyên		372.50	

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Mã số đăng ký dự tuyển	Mã ngành	Kết quả điểm bài thi được điều chỉnh sau khi phúc khảo								Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú		
								Môn thi ngoại ngữ		Môn thi tin học		Môn thi viết nghiệp vụ chuyên ngành		Môn thi trắc nghiệm nghiệp vụ chuyên ngành					Môn thi kiến thức chung	
								Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm thi	Điểm phúc khảo	Điểm thi	Điểm phúc khảo				Điểm thi	Điểm phúc khảo
14	352	Phan Đức	Hạnh	Nam	04/4/1990	3.5	TC-KT	81.00		88.00		98.00		96.00		80.50	Giữ nguyên		372.50	
15	202	Nguyễn Thị Việt	Hoài	Nữ	07/6/1989	8.2	QLTT	84.00		80.00		96.50		92.00		79.00	Giữ nguyên		364.00	
16	648	Lê Anh	Đức	Nam	05/8/1990	15.5	QH-XD	81.00		72.00		91.00	Giữ nguyên	100.00		93.00	Giữ nguyên		375.00	
17	031	Dương Thị	Phượng	Nữ	21/5/1988	24.1	MT	68.00		68.00		85.00	Giữ nguyên	96.00	Giữ nguyên	86.00	Giữ nguyên	20.00	372.00	
18	650	Võ Nhật	Huyền	Nữ	27/02/1993	15.5	QH-XD	61.00		72.00		95.25	Giữ nguyên	96.00		90.00			376.50	
19	279	Lê Thanh	Linh	Nam	21/6/1991	1.6	KL	6.00	62.00	60.00		92.75		100.00		85.00			370.50	

Quảng Bình, ngày 05 tháng 9 năm 2016

TM. HỘI ĐỒNG THI TUYỂN
CHỦ TỊCH



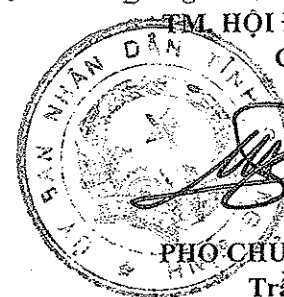
PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Tiến Dũng

KẾT QUẢ ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM BÀI THI SAU KHI PHÚC TRA
(Phúc tra theo yêu cầu của Hội đồng thi tuyển công chức năm 2016)

TT	Số báo danh	Họ	Tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Mã số đăng ký dự tuyển	Mã ngành	Kết quả điểm bài thi được điều chỉnh sau khi phúc tra								Điểm ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú		
								Môn thi ngoại ngữ		Môn thi tin học		Môn thi viết nghiệp vụ chuyên ngành		Môn thi trắc nghiệm nghiệp vụ chuyên ngành					Môn thi kiến thức chung	
								Điểm thi	Điểm phúc tra	Điểm thi	Điểm phúc tra	Điểm thi	Điểm phúc tra	Điểm thi	Điểm phúc tra				Điểm thi	Điểm phúc tra
1	574	Phạm Nhật	Thành	Nam	29/01/1991	10.1	KHĐT	88.00		92.00		100.00	Giữ nguyên	100.00	Giữ nguyên	98.50	Giữ nguyên		398.50	
2	399	Nguyễn Thị	Viễn	Nữ	14/10/1983	3.3	TC-KT	50.00	45.00	56.00	Giữ nguyên	95.63	Giữ nguyên	96.00	Giữ nguyên	81.50	Giữ nguyên	20.00	388.76	
3	382	Lê Anh	Phuong	Nữ	04/7/1994	3.3	TC-KT	88.00		96.00		96.25		100.00		72.00	Giữ nguyên		364.50	

X/MT

Quảng Bình, ngày 05 tháng 9 năm 2016



TM. HỘI ĐỒNG THI TUYỂN
CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Tiến Dũng